

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 14-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Bà Hà Thị Cẩm Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 708/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Cao Thanh H, sinh năm 1990; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: khu phố B, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: khu phố M, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* anh Võ Tấn P, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố B, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Cao Thanh H trình bày:

Chị và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G. Sau khi cưới, vợ chồng

về chung sống cùng với gia đình anh P tại khu phố B, phường G, vợ chồng cùng làm công nhân, kinh tế độc lập với gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì kinh tế gia đình, thường xuyên gây gổ nhau. Trong lúc buồn giận anh P thì chị có về nhà mẹ ruột của chị nhưng anh P đã đến xin lỗi và yêu cầu chị quay về để đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi về chung sống thì anh P vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng vẫn luôn căng thẳng, nặng nề, không còn hạnh phúc. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn nghiêm trọng từ tháng 11-2020 đến nay, anh P tiếp tục mắng chửi chị vì vấn đề tiền bạc trong gia đình nên chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống tại khu phố M, phường A, vợ chồng tự ly thân đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân, ban đầu anh P có gọi điện thoại yêu cầu chị quay về và mẹ ruột anh P có đến nhà mẹ chị một lần để hòa giải nhưng chị không đồng ý. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Võ Tấn T, sinh ngày 05-4-2012 và cháu Võ Tấn Y, sinh ngày 14-11-2014. Hiện tại cháu T đang sống cùng anh P, cháu Y đang sống cùng với chị. Cháu T và cháu Y rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu T cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Võ Tấn P đến Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh P vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thanh H đối với anh Võ Tấn P. Chị H được ly hôn anh P.

Về con chung: giao chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Tấn Y, sinh ngày 14-11-2014.

Giao anh P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Tấn T, sinh ngày 05-4-2012.

Ghi nhận chị H, anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Cao Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Võ Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh P chung sống với nhau năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do giữa vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế gia đình, thường xuyên gây gổ nhau. Trong quá trình chung sống, chị H đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống một lần, sau đó vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nên vợ chồng chung sống lại với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn kéo dài, tiếp tục gây gổ nhau nên chị H đã về nhà mẹ ruột và vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 11-2020 đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn anh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ anh P nhiều lần nhưng anh P đều vắng mặt, cho thấy anh P không có thiện chí hàn gắn cùng chị H. Kết quả xác minh tại địa phương và mẹ ruột của anh P thể hiện vợ, chồng chị H, anh P thường xuyên gây gổ nhau do có mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Mặc dù từ khi vợ chồng ly thân thì gia đình hai bên có hòa giải nhưng chị H vẫn không đồng ý đoàn tụ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, chị H đều giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, không muốn hàn gắn với anh P, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị H và anh P đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của

Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh P, cho chị H được ly hôn anh P là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Chị H và anh P có 02 con chung là cháu Võ Tấn T, sinh ngày 05-4-2012 và cháu Võ Tấn Y, sinh ngày 14-11-2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y và đồng ý giao cháu T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi chị H và anh P ly thân, anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, cả hai cháu đều phát triển rất tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, cháu T có nguyện vọng được theo sống cùng cha, cháu Y có nguyện vọng được theo sống cùng mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo được sự phát triển toàn diện và ổn định về tinh thần, nơi ở của cháu T và cháu Y, Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Y cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh P đều vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu gì về việc yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh P, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thanh H đối với anh Võ Tấn P.

Chị Cao Thanh H được ly hôn anh Võ Tấn P.

2. Về con chung:

Giao cháu Võ Tấn T, sinh ngày 05-4-2012 cho anh Võ Tấn P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Võ Tấn Y, sinh ngày 14-11-2014 cho chị Cao Thanh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh P, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh P, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Cao Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014930 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh P có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường G;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư